2. Điểm số học sinh

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3							
			Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Nữ
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		
I. Kết quả học tập																						
1. Tiếng Việt	451	435	72	35	72	35			104	50	104	50			88	42	88	42			87	44
Điểm 10																						
Điểm 9		24	5	3	5	3			6	5	6	5			3	3	3	3			7	4
Điểm 8		32	8	4	8	4			10	7	10	7			3	1	3	1			6	4
Điểm 7		71	11	10	11	10			16	11	16	11			12	7	12	7			16	8
Điểm 6		145	20	10	20	10			37	18	37	18			38	17	38	17			21	12
Điểm 5		123	21	6	21	6			23	7	23	7			23	9	23	9			31	14
Dưới điểm 5		40	7	2	7	2			12	2	12	2			9	5	9	5			6	2
2.Toán	451	435	72	35	72	35			104	50	104	50			88	42	88	42			87	44
Điểm 10		1	1	1	1	1																
Điểm 9		28	8	4	8	4			6	4	6	4			4	3	4	3			6	3
Điểm 8		35	6	3	6	3			6	4	6	4			6	2	6	2			7	5
Điểm 7		64	9	5	9	5			20	11	20	11			9	5	9	5			16	5
Điểm 6		136	20	11	20	11			35	16	35	16			24	6	24	6			27	15
Điểm 5		133	22	9	22	9			26	12	26	12			36	21	36	21			25	13
Dưới điểm 5		38	6	2	6	2			11	3	11	3			9	5	9	5			6	3
3. TH-CN (Công ngh	272	259													88	42	88	42			87	44
Điểm 10																						
Điểm 9		14													4	3	4	3			7	4
Điểm 8		13													1		1				8	4
Điểm 7		45													8	4	8	4			16	9
Điểm 6		87													21	7	21	7			31	20
Điểm 5		85													48	26	48	26			21	5
Dưới điểm 5		15													6	2	6	2			4	2
4. TH-CN (Tin học)	272	259													88	42	88	42			87	44
Điểm 10																						
Điểm 9		14													4	3	4	3			6	3
Điểm 8		25													3	1	3	1			14	7
Điểm 7		31													12	5	12	5			11	5
Điểm 6		91													33	16	33	16			20	13
Điểm 5		80													30	15	30	15			30	13
Dưới điểm 5		18													6	2	6	2			6	3
5. Ngoại ngữ	272	259													88	42	88	42			87	44
Điểm 10																						

Điểm 9		1																			1	
Điểm 8		8													2	2	2	2			2	1
Điểm 7		20													10	6	10	6			6	4
Điểm 6		125													54	25	54	25			38	21
Điểm 5		73													12	5	12	5			30	14
Dưới điểm 5		32													10	4	10	4			10	4
6. Khoa học	183	171																			87	44
Điểm 10																						
Điểm 9		14																			7	3
Điểm 8		21																			12	8
Điểm 7		20																			11	3
Điểm 6		47																			26	17
Điểm 5		57																			25	10
Dưới điểm 5		12																			6	3
7. Lịch sử và Địa lý	183	171																			87	44
Điểm 10																						
Điểm 9		10																			7	3
Điểm 8		11																			7	6
Điểm 7		30																			16	6
Điểm 6		55																			21	11
Điểm 5		53																			30	16
Dưới điểm 5		12																			6	2

Lớp 4				Lớp 5					
Trong tổng số					Trong tổng số				
Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
86	44		1	84	34	84	34		
6	4			3	2	3	2		
6	4			5	5	5	5		
16	8			16	7	16	7		
21	12			29	10	29	10		
31	14		1	25	8	25	8		
6	2			6	2	6	2		
86	44		1	84	34	84	34		
5	3			4	1	4	1		
7	5			10	5	10	5		
16	5			10	8	10	8		
27	15			30	11	30	11		
25	13		1	24	7	24	7		
6	3			6	2	6	2		
86	44		1	84	34	84	34		
6	4			3	2	3	2		
8	4			4	2	4	2		
16	9			21	7	21	7		
31	20			35	17	35	17		
21	5		1	16	4	16	4		
4	2			5	2	5	2		
86	44		1	84	34	84	34		
5	3			4	2	4	2		
14	7			8	5	8	5		
11	5			8	3	8	3		
20	13			38	16	38	16		
30	13		1	20	6	20	6		
6	3			6	2	6	2		
86	44		1	84	34	84	34		

2	1			4	2	4	2		
6	4			4	2	4	2		
38	21			33	16	33	16		
30	14		1	31	10	31	10		
10	4			12	4	12	4		
86	44		1	84	34	84	34		
6	3			7	4	7	4		
12	8			9	4	9	4		
11	3			9	4	9	4		
26	17			21	10	21	10		
25	10		1	32	10	32	10		
6	3			6	2	6	2		
86	44		1	84	34	84	34		
6	3			3	2	3	2		
7	6			4	3	4	3		
16	6			14	4	14	4		
21	11			34	17	34	17		
30	16		1	23	6	23	6		
6	2			6	2	6	2		